TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 427/2024/HS-PT
Ngày: 30-8-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh,** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 217/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Lê Khắc V.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Khắc V, sinh ngày 26/3/1984 tại Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: 172/12 T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Giáo viên (đã nghỉ việc). Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Lê Khắc H, sinh năm 1961, con bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1960. Gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con đầu. Vợ là Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1988 (đã ly hôn từ ngày 09/11/2021) và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; có mặt.

**** Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:***

- Ông Vũ Ngọc C - Luật sư của Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Phương T - Luật sư của Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- Ông Đàm Quốc C1 – Luật sư của Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Bị cáo từ chối Luật sư chỉ định.

**** Bị hại:***

- Anh Ksor K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Chị Phạm Thị T1, sinh năm: 1991; địa chỉ: A T, tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiến V1, sinh năm 1982; địa chỉ: A L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1982; địa chỉ: A L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1990; địa chỉ: B B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Ông Phan Đình H1, sinh năm 1964; địa chỉ: E N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Anh Đào Duy H2, sinh năm 1986; địa chỉ: 2 L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Anh Phạm Văn H3, sinh năm 1993; địa chỉ: 3, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1990. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1971; địa chỉ: I P, phường Y, thành phố P, tỉnh G; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Ông Lê Khắc H, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015, ngoài nghề giáo viên, Lê Khắc V còn kinh doanh mua bán đồng hồ đeo tay, hàng điện tử, nước hoa. Trong quá trình kinh doanh làm ăn, khi cần tiền để mua hàng thì Lê Khắc V thường vay nhiều khoản tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng của một số cá nhân với lãi suất là

2.000 đồng/triệu/ngày. Từ năm 2019, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên V không buôn bán được đồng hồ, hàng hóa tồn lại nhiều nhưng tiền gốc và tiền lãi vay vẫn phải trả đủ. Do vậy, khi không còn khả năng về tài chính để trả nợ thì V phải tiếp tục đi vay tiền của một số đối tượng từ tỉnh Thanh Hóa, thành phố Hải Phòng và một số tỉnh phía Bắc vào Gia Lai làm nghề cho vay tiền (V không biết cụ thể họ tên, địa chỉ cư trú của các đối tượng này vì hiện đã đi đâu không xác định được) với lãi suất tiền vay từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi vay được tiền, V sử dụng một phần để tiếp tục mua đồng hồ bán lại hưởng tiền lời. Một phần sử dụng xoay vòng trả tiền gốc và tiền lãi vay của một số người mà V đã vay trước đó với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày. Do vay tiền của nhiều người mà không ghi chép lại đầy đủ thông tin về tiền vay và lãi suất, khi đến hạn đóng lãi hoặc trả gốc vay, bị chủ nợ đòi tiền gốc và tiền lãi thì Vũ buộc phải tìm vay tiền chỗ khác với lãi suất cao hơn để xoay vòng trả nợ, từ đó số lượng tiền vay ngày càng tăng lên nhiều và không kiểm soát được dẫn đến mất khả năng về tài chính.

Khi bị những người cho vay đòi tiền vay gốc và tiền lãi nhưng V không có tiền để trả nên đã xin tiền của cha mẹ đẻ và vay mượn tiền của người thân trong gia đình để trả tiền gốc và lãi vay. Ngoài vay mượn tiền của người thân trong gia đình, khi bị đòi tiền vay thì V còn vay tiền của bạn bè quen biết hoặc đưa ra thông tin không có thật là V có thể xin việc trong ngành giáo dục hoặc xin chuyển trường cho một số người quen biết có nhu cầu, tuyển viên chức để làm những người này tin tưởng đưa tiền nhờ V xin việc hoặc cho V vay tiền. Sau khi nhận được tiền từ những cá nhân này, V đã sử dụng để trả nợ gốc, lãi vay và một phần sử dụng để kinh doanh mua bán đồng hồ, máy tính bảng, nước hoa.

Trong năm 2020, V dự tính mở trung tâm G tại nhà nên có mua một thửa đất sát cạnh nhà V với giá tiền là 1.500.000.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng là tiền V vay mượn của người thân trong gia đình (hiện vẫn nợ số tiền này của gia đình). Sau khi mua được đất thì V sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ (B1) - Chi nhánh G1 với số tiền là 1.100.000.000 đồng. Hàng tháng phải đóng tiền lãi cho khoản vay, tính đến năm 2021 cho đến nay, tổng số tiền V vay thế chấp tài sản và nợ của Ngân hàng TMCP Đ (B1) - Chi nhánh G1 là khoảng 2.700.000.000 đồng.

Khi bị những người đã cho V vay hoặc đưa tiền nhờ xin việc đòi tiền, V không có tiền để trả lại nên hứa hẹn khất nợ. Đến tháng 11/2021 khi hoàn toàn mất khả năng về tài chính, Vũ xin thôi việc tại trường THPT P1, bỏ số điện thoại di động, cắt đứt liên lạc với những người cho V vay tiền và nhờ xin việc, bỏ đi khỏi tỉnh Gia Lai, đến tỉnh Thanh Hóa làm thuê kiếm sống.

Sau khi, Lê Khắc V bỏ trốn, trên cơ sở nội dung tố giác của các bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Khắc V về tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*** và tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 174 và Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra, nội dung cụ thể như sau:

1.1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1.1.1. Chiếm đoạt của ông Ksor K (sinh ngày: 26/02/1994, trú tại: Thôn P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai) số tiền 90.000.000 đồng:

Ông Ksor K có quan hệ quen biết với Lê Khắc V từ tháng 02/2016 vì từ ngày 22/02/2016 đến ngày 17/4/2016 ông K có thực tập dạy môn Giáo dục thể chất tại Trường THPT P1, Tp ., lúc này V đang làm giáo viên dạy môn Công nghệ ở Trường THPT P1, Tp .. Sau khi thực tập xong thì ông K và V có giữ liên lạc với nhau. Năm 2017, V liên lạc với ông K và được biết ông K chưa có việc làm nên Lê Khắc V đã đưa ra thông tin không có thật, gợi ý sẽ xin vào biên chế giáo viên chính thức cho ông K với giá tiền là 100.000.000 đồng, nhưng riêng ông K thì V chỉ lấy 90.000.000 đồng thì ông K tin tưởng là thật nên đã đồng ý. Do đó, từ ngày 05/12/2018 đến ngày 19/3/2020, ông K đã đưa tiền cho Lê Khắc V 03 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng tại nhà riêng của Lê Khắc V ở Tp . và tại quán cà phê ở huyện P. Sau khi nhận được số tiền trên thì Lê Khắc V đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả tiền gốc, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó, chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của ông K.

1.1.2. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị T1 (sinh ngày: 07/8/1991, trú tại: A T, tổ F, phường Y, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 150.000.000 đồng:

Bà Phạm Thị T1 có quan hệ quen biết với Lê Khắc V từ tháng 7/2020 và biết V đang làm giáo viên Trường THPT P1, Tp ., nên khi V biết bà T1 có nhu cầu tuyển dụng vào làm giáo viên dạy môn tiếng Anh, mặc dù không có chức năng tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng biên chế vào làm giáo viên trong ngành giáo dục nhưng Lê Khắc V đã đưa ra thông tin không có thật về việc sẽ xin việc cho bà T1 vào biên chế nhà nước môn tiếng Anh làm bà T1 tin là thật. Do đó, vào ngày 09/9/2020 và sau đó khoảng một tuần, bà T1 đã đưa cho Lê Khắc V tổng số tiền là 150.000.000 đồng để nhờ Lê Khắc V xin việc cho bà T1. Sau khi nhận được số tiền trên thì Lê Khắc V đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả tiền gốc, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó, một phần sử dụng để kinh doanh mua bán đồng hồ, chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của bà T1.

1.1.3. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Tiến V1 (sinh năm: 1982), bà Nguyễn Thị Hồng L (sinh năm: 1982, cùng trú tại số A L, phường Y, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 60.000.000 đồng:

Ông Nguyễn Tiến V1, bà Nguyễn Thị Hồng L có quan hệ quen biết với Lê Khắc V từ tháng 3/2021, sau khi ông V1 nói cho Lê Khắc V biết việc bà L đang có nhu cầu xin chuyển công tác từ Trường tiểu học P2 về trường tiểu học T5 thì Lê Khắc V đưa ra thông tin không có thật sẽ xin cho bà L chuyển về dạy tại trường tiểu học T5 với giá tiền là 60.000.000 đồng, vợ chồng ông V1 biết V đang làm giáo viên dạy tại trường THPT P1, Tp ., tỉnh Gia Lai nên đã tin là thật và đồng ý nhờ V xin chuyển trường cho bà L. Vì vậy, vào ngày 07/4/2021 vợ chồng ông V1 đã đưa cho V số tiền 60.000.000 đồng để nhờ V xin chuyển công tác cho bà L. Sau khi nhận được số tiền trên thì Lê Khắc V đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả tiền gốc, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước

đó, một phần sử dụng để kinh doanh mua bán đồng hồ, chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của vợ chồng ông V1.

1.1.4. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (sinh ngày: 08/8/1990, trú tại: B B, phường T, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 160.000.000 đồng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 với Lê Khắc V có quan hệ quen biết từ tháng 3/2021. Đến tháng 5/2021, sau một thời gian quen biết, Lê Khắc V có hỏi mượn tiền của bà T2 (không lãi suất) để làm ăn kinh doanh buôn bán đồng hồ. Vì thấy V là giáo viên và đang công tác tại Trường THPT P1, Tp . nên bà T2 đã tin tưởng cho Vũ mượn số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, trong những lần bà T2 gặp V tại quán C3 (đối diện Trường THPT P1), biết bà T2 có nhu cầu xin chuyển công tác từ huyện M về Tp . cho gần nhà nên Lê Khắc V đưa ra thông tin không có thật về việc V có quen biết nhiều người làm ở Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh G và còn quen nhiều quan chức ở Tp . làm cho bà T2 tin là thật rồi đưa ra mức giá để xin chuyển trường cho bà T2 về dạy tại Tp . là 160.000.000 đồng, thời hạn xin chuyển công tác là trong vòng 30 ngày thì bà T2 đồng ý. Do bà T2 đã cho V vay số tiền là 50.000.000 đồng trước đó, nên hai bên thỏa thuận sẽ đưa thêm cho V số tiền 110.000.000 đồng để nhờ xin chuyển công tác thì V đồng ý.

Đến ngày 09/9/2021, bà T2 đã đưa cho Lê Khắc V số tiền 110.000.000 đồng tại nhà riêng Vũ của để nhờ V xin chuyển công tác cho bà T2. Sau khi nhận tiền, V viết giấy nhận tiền để xác nhận đã nhận số tiền 160.000.000 đồng của bà T2. Sau khi nhận được tổng số tiền trên thì Lê Khắc V đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả tiền gốc, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó, một phần sử dụng để kinh doanh mua bán đồng hồ, chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng của bà T2.

1.1.5. Chiếm đoạt của ông Phan Đình H1 (sinh ngày: 18/01/1964, trú tại: I P, phường Y, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 120.000.000 đồng:

Ông Phan Đình H1 có quan hệ quen biết với Lê Khắc V thông qua chị Phan Nguyễn Thảo M (sinh năm: 1991, trú tại: Chung cư R Đ, quận B, Tp . - Con gái của ông H1) là cộng tác viên bán đồng hồ cho V. Quá trình Lê Khắc V mua bán đồng hồ, khi cần tiền thì V có một vài lần vay tiền của ông H1 để mua bán đồng hồ và đã trả đầy đủ tiền lãi và gốc vay đúng theo thỏa thuận. Vào ngày 10/7/2021, mặc dù thời điểm này V đã nợ tiền của nhiều người và mất khả năng thanh toán các khoản vay trước đó nhưng Lê Khắc V vẫn đưa ra thông tin cần vay tiền mua bán đồng hồ để vay tiền của ông Phan Đình H1, làm ông H1 tin là thật rồi đưa cho V vay số tiền là 120.000.000 đồng, sau đó bị Lê Khắc V chiếm đoạt.

1.1.6. Chiếm đoạt của ông Đào Duy H2 (sinh ngày: 05/02/1986, trú tại: 2 L, phường T, Tp ., tỉnh Gia Lai số tiền 200.000.000 đồng:

Ông Đào Duy H2 với Lê Khắc V quen biết nhau từ năm 2015, khi ông H2 biết V đang làm giáo viên Trường THPT P1 và có buôn bán đồng hồ, máy tính bảng, nước hoa, nên từ năm 2019, khi V hỏi vay tiền để mua bán đồng hồ thì ông H2 có cho V vay tiền, với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (không thể hiện

trong giấy vay tiền). Từ năm 2019 cho đến năm 2021, V trả tiền lãi cho ông H2 hoàn toàn bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của V đến số tài khoản 62010000907836 của ông H2. Khi chuyển tiền lãi cho ông H2 thì V không ghi nội dung chuyển tiền, những khoản tiền V chuyển cho ông H2 không rõ ràng nên không xác định được lý do chuyển tiền. Các khoản vay trước, V đã trả đầy đủ tiền gốc và tiền lại cho ông H2. Đến ngày 01/7/2021, thời điểm này, V đang vay mượn và nợ tiền của nhiều người, đã mất khả năng thanh toán các khoản vay trước, nhưng V vẫn đưa ra thông tin cần vay tiền làm ăn, mua bán đồng hồ để vay tiền của ông H2, làm ông H2 tin là thật cho V vay số tiền 200.000.000 đồng rồi bị V chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân.

Tổng số tiền Lê Khắc V đã chiếm đoạt của các ông bà Ksor K, Phạm Thị T1, Nguyễn Tiến V1 - Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Ngọc T2, Phan Đình H1 và Đào Duy H2 là 780.000.000 đồng.

1.2. Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

1.2.1. Chiếm đoạt của ông Phạm Văn H3 (sinh ngày: 15/3/1993, trú tại: 398/07/02 CMT8, tổ A, phường H, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 745.500.000 đồng):

Ông Phạm Văn H3 có quan hệ quen biết với Lê Khắc V từ năm 2018, từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2021, V đưa ra thông tin cần vay tiền để làm ăn kinh doanh mua bán đồng hồ đeo tay, từ đó ông H3 đã nhiều lần cho V vay tiền với lãi suất tiền vay theo thoả thuận là 2.000 đồng/triệu/ngày. Mỗi lần V vay của ông H3 với số tiền trong khoảng từ 10.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, thời gian đầu vay tiền, bị can V trả tiền gốc và tiền lãi vay cho ông H3 đầy đủ, theo đúng thoả thuận.

Từ ngày 13/4/2021 đến tháng 7/2021, V tiếp tục vay của ông H3 tổng số tiền 884.000.000 đồng với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 2.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi vay được số tiền trên, V đã sử dụng để trả tiền gốc vay, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó và một phần sử dụng mua bán kinh doanh đồng hồ. Quá trình vay tiền, V trả lãi cho ông H3 và nợ lại tiền vay gốc, trong đó có khoản trả lãi đầy đủ, có khoản trả lãi không đầy đủ.

Các ngày 24/5/2021 và 27/5/2021, sau khi V hỏi vay tiền để đáo hạn ngân hàng thì ông H3 đã đưa tiền cho ông Nguyễn Thành T4 (sinh năm: 29/11/1993, trú tại: B Q, phường I, Tp ., tỉnh Gia Lai) để ông T4 đưa cho V vay, với lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày, cụ thể:

Ngày 24/5/2021, ông H3 đã đưa cho ông T4 số tiền 150.000.000 đồng để đưa cho V vay, thỏa thuận trả lại tiền gốc trong thời hạn 10 ngày. Sau khi giao tiền cho V, ông T4 tính tiền lãi của khoản vay trên trong thời hạn 10 ngày là 3.000.000 đồng thì V đồng ý rồi viết giấy vay số tiền 153.000.000 đồng. Cùng ngày, V tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận trả lại tiền gốc trong thời hạn 10 ngày, với lãi suất tiền vay do hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi ông H3 đưa cho T4 số tiền là 50.000.000 đồng để ông T4 giao tiền cho V vay thì ông T4 yêu cầu V viết thêm vào giấy vay tiền để

ngày 24/5/2021 dưới mục số tiền vay các nội dung *"+51.000.000đ=204.000.000đ"*. Đến ngày 27/5/2021, cũng như lần trước, ông T4 lấy số tiền 50.000.000 đồng từ ông H3 rồi đưa cho V vay với thời hạn hẹn trả trong vòng 10 ngày. Sau khi nhận tổng số tiền 250.000.000 đồng từ ông T4 nhưng V không trả tiền theo thỏa thuận nên ông T4 đòi tiền vay thì V đã đưa cho ông T4 tổng cộng 49 cái đồng hồ trị giá 138.500.000 đồng để cấn trừ vào số tiền vay gốc đã nhận từ ông T4.

Sau khi Lê Khắc V đã vay được của ông Phạm Văn H3 tổng số tiền là 884.000.000 đồng, cấn trừ đồng hồ vào số tiền nợ gốc, còn lại tổng số tiền vay gốc là 745.500.000 đồng thì V không trả tiền cho ông H3 như cam kết, mà cắt liên lạc với ông H3, bỏ đi khỏi địa phương chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

1.2.2. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh Q (sinh ngày: 23/10/1990, trú tại: E P, phường H, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 1.100.000.000 đồng:

Ông Nguyễn Thanh Q có quan hệ bạn bè quen biết với Lê Khắc V từ năm 2018 vì V có mua xe ô tô Mazda CX5 của Công ty TNHH N (nơi làm việc của ông Q). Từ khoảng giữa năm 2018 cho đến tháng 8/2021, V đã nhiều lần vay tiền của ông Q với mục đích vay tiền để kinh doanh đồng hồ đeo tay. Lãi suất tiền vay do hai bên tự thỏa thuận (không thể hiện trong giấy vay tiền), quá trình vay tiền, V trả lãi và gốc vay cho ông Q đúng thỏa thuận.

Vào ngày 01/9/2021, Lê Khắc V vay của ông Q số tiền là 1.100.000.000 đồng và thỏa thuận giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 cho ông Q giữ làm tin. Sau khi giao nhận tiền, V đã viết giấy mượn số tiền là 1.100.000.000 đồng và thỏa thuận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU784438 cho ông Q. Ngày 22/9/2021, sau khi V trả khoản vay tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh G1 nên nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 V đưa cho ông Q như thỏa thuận và ghi thêm nội dung thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 vào góc phải dưới nội dung vay tiền của tờ giấy mượn tiền ngày 01/9/2021. Vào ngày 21/9/2021, Lê Khắc V có vay của bà Sou Thị M1 (sinh ngày: 14/12/1958, trú tại: F P, tổ A, phường Đ, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền là 1.100.000.000 đồng để thanh toán khoản vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 (đang vay của Ngân hàng N1 chi nhánh G1). Sau khi đã trả khoản vay này, V được ngân hàng N1 - Chi nhánh G1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 rồi lấy đưa cho Nguyễn Thanh Q. Sự việc bị bà M1 phát hiện nên cùng Lê Khắc V đi tìm ông Q để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438. Sau khi đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 từ ông Q thì bà M1 yêu cầu Lê Khắc V phải trả lại số tiền đã vay của bà M1 vào ngày 21/9/2021 là 1.100.000.000 đồng nhưng V không trả được tiền cho bà M1 nên đã chuyển nhượng thửa đất thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784438 cho bà M1.

Lê Khắc V không trả tiền vay cho ông Q theo thỏa thuận mà đến tháng 11/2021, V đã xin thôi việc, cắt đứt liên lạc với ông Q và chiếm đoạt số tiền là 1.100.000.000 đồng.

1.2.3. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 (sinh ngày: 24/05/1971, trú tại: I P, phường Y, Tp ., tỉnh Gia Lai) số tiền 158.060.000 đồng:

Bà Nguyễn Thị T3 là giáo viên dạy môn Sinh học tại Trường THPT P1 từ năm 2009 cho đến nay, từ năm 2011 Lê Khắc V chuyển đến Trường THPT P1 công tác nên hai người có quan hệ đồng nghiệp với nhau. Ngoài giảng dạy tại trường, bà T3 cùng một số giáo viên trong trường thỏa thuận góp vốn giúp nhau dưới hình thức chơi hụi, vì được tin tưởng nên mọi người bầu bà T3 làm chủ hụi. Do đó, từ năm 2014 bà T3 bắt đầu tổ chức các dây hụi cho một số giáo viên trong trường chơi.

Vào các tháng 8/2020, tháng 9/2020, tháng 12/2020 và tháng 4/2021 khi bà T3 tổ chức các dây hụi cho giáo viên trong Trường THPT P1 chơi thì Lê Khắc V có xin tham gia chơi 03 chân/01dây hụi/04dây hụi và đều xin hốt hụi đầu tiên trong các dây hụi mà bà T3 tổ chức thì bà T3 đồng ý và cho Vũ hốt trước tiền hụi với số tiền mỗi chân được hốt là 10.960.000 đồng/chân (03 chân hụi mà Vũ hốt trong dây hụi được số tiền là 32.880.000 đồng). Tổng số tiền 04 dây hụi (12 chân) thỏa thuận V được hốt là 131.520.000 đồng. Sau khi hốt hụi V sử dụng để cấn trả vào số tiền vay gốc với tổng số tiền đã cấn trừ là 57.680.000 đồng (nên tổng số tiền V đã vay và còn nợ của bà T3 là 82.320.000 đồng). Phần còn lại của tiền hốt hụi V sử dụng để cấn trừ trả tiền lãi vay, tiền nợ lãi của khoản vay, hoặc đóng tiền chơi hụi. Số tiền hụi dư còn lại thì bà T3 đưa lại cho V sử dụng vào mục đích cá nhân. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền chơi hụi, số tiền đóng hụi tiếp theo V không đóng cho bà T3 đầy đủ, khi bà T3 yêu cầu Vũ đóng tiền hụi thì V không có tiền đóng từ đó buộc bà T3 phải đóng số tiền 75.740.000 đồng trong dây hụi thay cho V. Ngoài tham gia chơi hụi do bà T3 tổ chức, Lê Khắc V còn vay của bà Nguyễn Thị T3 với tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền thì Lê Khắc V đã sử dụng để trả tiền vay gốc, lãi cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó, một phần sử dụng để kinh doanh mua bán đồng hồ. Lê Khắc V đã sử dụng tiền hốt hụi để cấn trừ, trả một phần tiền hụi vào gốc vay nên xác nhận còn nợ và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 tổng số tiền vay là 82.320.000 đồng.

Sau khi mất khả năng đóng tiền hụi và trả tiền vay cho bà T3 thì V đã cắt liên hệ với bà T3, bỏ đi khỏi địa phương. Căn cứ kết quả đối chất giữa bị can Lê Khắc V với bà Nguyễn Thị T3 xác định tổng số tiền vay, tiền hốt hụi mà Lê Khắc V đã vay rồi chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 là 158.060.000 đồng.

1.2.4. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C2 (sinh ngày: 16/02/1998, nơi cư trú: Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) số tiền 150.000.000 đồng):

Từ năm 2013 - 2016, anh Nguyễn Văn C2 là học sinh cấp III tại Trường THPT P1 nên quen biết với Lê Khắc V. Sau khi học hết cấp III thì anh C2 đi làm ở nước ngoài (Israel) nên có liên lạc với V thông qua mạng xã hội Facebook, mỗi khi được nghỉ về tỉnh Gia Lai thì có gặp V tại quán C4 ở đường Đ, khi biết V bán đồng hồ nên anh C2 có mua đồng hồ của V. Cuối năm 2019, khi đã nợ tiền của nhiều cá nhân và bị đòi nợ nên Lê Khắc V đã đưa ra thông tin cần tiền để kinh doanh đồng hồ, thỏa thuận chia lợi nhuận cho anh C2, từ đó làm

cho anh C2 tin tưởng là thật và chuyển tiền cho V để góp vốn làm ăn. Ngày 25/11/2019, V nhắn tin cho ông C2 qua ứng dụng Messenger rủ anh C2 góp vốn để kinh doanh đồng hồ đeo tay nhập khẩu rồi thỏa thuận chia lợi nhuận 06%/số tiền góp vốn/tháng cho anh C2. Vì vậy, vào khoảng cuối năm 2019 đến đầu tháng 10/2020, anh C2 đã nhiều lần chuyển khoản cho V để góp vốn để kinh doanh với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên thì Lê Khắc V đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả tiền gốc, lãi vay cho một số cá nhân mà V đã vay trước đó, trả tiền lãi vay cho chính anh C2, tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của anh C2.

Tổng số tiền Lê Khắc V đã chiếm đoạt của các cá nhân Phạm Văn H3, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thị T3 và Nguyễn Văn C2 là 2.153.560.000 đồng.

* *Vật chứng:* Không.

* *Về dân sự:* Các bị hại yêu cầu Lê Khắc V bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Đến nay, Lê Khắc V đã bồi thường cho bị hại Phạm Thị T1 số tiền 150.000.000 đồng và bà T1 không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Khắc V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Khắc V 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Khắc V 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Khắc V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 22 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2024, bị cáo V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" V phạm tội theo khoản 3 Điều 174 với mức định lượng 460.000.000 đồng. V không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" vì không có dấu hiệu bỏ trốn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Khắc Vũ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" V phạm tội theo khoản 3 Điều 174 với mức định lượng 460.000.000 đồng. V không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" vì không có dấu hiệu bỏ trốn. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Khắc V giảm hình phạt và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Từ cuối năm 2018 đến tháng 9 năm 2021, do việc làm ăn kinh doanh thua lỗ Lê Khắc V đưa ra thông tin không có thật là V có thể xin việc trong ngành giáo dục hoặc xin chuyển trường cho một số người quen biết có nhu cầu để từ đó chiếm đoạt 460.000.000 đồng của các bị hại, cụ thể: Lừa xin vào biên chế giáo viên chính thức cho ông Ksor K với số tiền 90.000.000 đồng; xin việc cho bà Phạm Thị T1 vào biên chế nhà nước giáo viên môn tiếng Anh với số tiền 150.000.000 đồng; xin chuyển công tác cho bà Nguyễn Thị Hồng L (là vợ ông Nguyễn Tiến V1) với số tiền 60.000.000 đồng; xin chuyển công tác cho bà Nguyễn Thị Ngọc T2 với số tiền 160.000.000 đồng.

Tháng 7 năm 2021, bị cáo mất khả năng thanh toán nhưng vẫn vay ông Đào Duy H2 200.000.000 đồng, ông Phan Đình H1 120.000.000 đồng và đưa ra lý do gian dối là vay để kinh doanh. Bị cáo trình bày các khoản vay với ông H2, ông H1 là viết lại giấy vay từ những khoản vay trước đó cộng với tiền lãi, nhưng không chứng minh được, nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T2, ban đầu V vay bà T2 50.000.000 đồng; sau đó V đưa ra thông tin xin chuyển trường cho bà T2 với giá 160.000.000 đồng, do V còn nợ bà T2 50.000.000 đồng nên bà T2 đưa thêm cho V 110.000.000 đồng nên phải xác định 50.000.000 đồng V vay trước đó đã chuyển hoá vào 160.000.000 đồng mà V đưa ra thông tin gian dối để lừa xin chuyển trường cho bà T2 nhằm chiếm đoạt.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo V về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm b khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[1.2] Khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 9 năm 2021, Lê Khắc V đã nhiều lần vay mượn tiền, tham gia chơi hụi với một số cá nhân, nhưng sau đó bỏ trốn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, cụ thể: Chiếm đoạt tiền vay của ông Phạm Văn H3 745.500.000 đồng; chiếm đoạt tiền vay của ông Nguyễn Thanh Q 1.100.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 tiền vay và tiền hụi 158.060.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C2 tiền góp vốn kinh doanh 150.000.000 đồng.

Bị cáo cho rằng chỉ còn nợ ông Phạm Văn H3 555.500.000 đồng, nợ ông Nguyễn Thanh Q 500.000.000 đồng nhưng theo kết quả giám định chữ ký, chữ viết trên các giấy nợ do các bị hại trên cung cấp thể hiện chữ ký, chữ viết ghi tên Lê Khắc V trong các giấy nợ này là chữ ký, chữ viết của V. Lê Khắc V cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận lời khai này của bị cáo.

Vào tháng 11 năm 2021 khi đi khỏi địa phương Lê Khắc V cắt đứt liên lạc với các chủ nợ; bỏ số điện thoại cũ; các chủ nợ, chính quyền địa phương không biết việc V đi khỏi địa phương và không biết thời hạn trở về. Khi có người báo Công an đang tìm V cũng không về, chỉ khi khởi tố bị can thì V mới đến đầu thú.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo V về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm b khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Khắc V; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Bị cáo V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thời điểm phạm tội bị cáo còn đang là giáo viên, dù nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về kinh tế đối với các bị hại, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[2.2] Đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền nhiều lần, mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác *(được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh G tặng giấy khen năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G tặng Bằng khen năm 2018)*, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm (có xác nhận của cơ quan điều tra), bị cáo đầu thú và bị cáo là cháu người có công cách mạng, nên được áp dụng điểm t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội. Đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, bị cáo thành khẩn khai báo một phần *(đối với các bị hại T1, K, L, T2)*, tác động người thân đã trả 150.000.000 đồng cho bị hại Phạm Thị T1 nên được áp dụng thêm điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt.

[2.3] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo V xin giảm hình phạt, để bị cáo an tâm cải tạo mà trở thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội; do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Khắc V và sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Khắc V **7 (B) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Khắc V **12 (Mười hai) năm tù** về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

4. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Khắc V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **19 (Mười chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2022.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Khắc V không phải chịu.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường